

# Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



## Electronic thermal overload relay, TeSys Giga, 125-500 A, class 5E-30E, push-in control connection

LR9G500

### Main

|                                     |  |
|-------------------------------------|--|
| Range                               | TeSys                                      |
| Product name                        | TeSys LRG                                  |
| product or component type           | Electronic thermal overload relay          |
| Device short name                   | LR9G                                       |
| relay application                   | Motor protection                           |
| Network type                        | AC   |
| Thermal overload class              | Class 5E...30E conforming to IEC 60947-4-1 |
| Thermal protection adjustment range | 125...500 A                                |

### Complementary

|  |  |
|--|--|
| Network frequency  | 30...60 Hz<br>100 Hz   |
| Overvoltage category                                     | III  |
| Tripping threshold                                       | 1.125 +/- 0.07 I <sub>n</sub> conforming to IEC 60947-4-1  |
| Protection type  | Ground fault protection - tripping time adjustment: 0...1 s - for alarm circuit conforming to IEC 60947-4-1<br>Ground fault protection - tripping time adjustment: 0...1 s - for alarm circuit conforming to UL 60947-4-1<br>Phase loss - tripping time adjustment: 0...4 s - for alarm circuit<br>Phase imbalance - tripping time adjustment: 0...5 s - for alarm circuit conforming to IEC 60947-4-1<br>Phase imbalance - tripping time adjustment: 0...5 s - for alarm circuit conforming to UL 60947-4-1 |
| local signalling   | LED<br>Trip indicator  |
| Contacts type and composition                            | 1 NO + 1 NC  |
| [I <sub>th</sub> ] conventional free air thermal current | 5 A  |
| [U <sub>c</sub> ] control circuit voltage                | 24...500 V AC 50/60 Hz<br>24...250 V DC  |
| [U <sub>e</sub> ] rated operational voltage              | 1000 V AC 50/60 Hz   |
| [U <sub>imp</sub> ] rated impulse withstand voltage      | 8 kV   |
| Reset  | Automatic reset<br>Manual  |
| Mechanical durability                                    | 7000 cycles  |
| Surge withstand  | 4 kV   |

|                                      |   |
|--------------------------------------|---|
| <b>Electromagnetic compatibility</b> | EMC immunity conforming to IEC 60947-4-1<br>Emission tests criteria A conforming to IEC 60947-4-1<br>Immunity to radiated radio-electrical interference - test level: 20 V/m conforming to EN/IEC 61000-4-3<br>Voltage dips and interruptions immunity test conforming to SEMI F47  |
| <b>Connections - terminals</b>       | Power circuit: bar - busbar cross section: 32 x 10 mm<br>Power circuit: lugs-ring terminals 1 240 mm <sup>2</sup><br>Control circuit: push-in 1 0.25...2.5 mm <sup>2</sup> - cable stiffness: solid stranded without cable end<br>Control circuit: push-in 1 0.25...2.5 mm <sup>2</sup> - cable stiffness: flexible with cable end<br>Control circuit: push-in 2 0.5...1.0 mm <sup>2</sup> with cable end |
| <b>Tightening torque</b>             | 35 N.m  |
| <b>Mounting support</b>              | Direct on contactor<br>Plate  |
| <b>Standards</b>                     | EN/IEC 60947-4-1<br>EN/IEC 60947-5-1<br>UL 60947-4-1<br>CSA C22.2 No 60947-4-1<br>JIS C8201-4-1<br>JIS C8201-5-1  |
| <b>Product certifications</b>        | CB Scheme<br>CCC<br>cULus<br>UKCA<br>ATEX<br>EU-RO-MR by DNV-GL<br>EAC  |

## Environment

|  |   |
|--|---|
| <b>IP degree of protection</b>                               | IP2X front face with shrouds conforming to IEC 60529<br>IP2X front face with shrouds conforming to VDE 0106 |
| <b>Protective treatment</b>                                  | TH  |
| <b>Ambient air temperature for operation</b>                 | -25...60 °C   |
| <b>Ambient air temperature for storage</b>                   | -60...80 °C   |
| <b>Permissible ambient air temperature around the device</b> | -40...60 °C at U <sub>c</sub>   |
| <b>Adjustment of dial setting</b>                            | -25...60 °C   |
| <b>Mechanical robustness</b>                                 | Vibrations 5...300 Hz 6 gn contactor open<br>Shocks 15 gn 11 ms contactor closed                            |
| <b>Height</b>  | 114 mm  |
| <b>Width</b>   | 140 mm  |
| <b>Depth</b>   | 140 mm  |
| <b>net weight</b>  | 1.55 kg   |
| <b>Colour</b>  | Dark grey   |

## Packing Units

|                                     |           |
|-------------------------------------|-----------|
| <b>Unit Type of Package 1</b>       | PCE       |
| <b>Number of Units in Package 1</b> | 1         |
| <b>Package 1 Height</b>             | 18.500 cm |
| <b>Package 1 Width</b>              | 19.000 cm |
| <b>Package 1 Length</b>             | 24.000 cm |
| <b>Package 1 Weight</b>             | 2.104 kg  |
| <b>Unit Type of Package 2</b>       | S03       |

|                                     |           |
|-------------------------------------|-----------|
| <b>Number of Units in Package 2</b> | 2         |
| <b>Package 2 Height</b>             | 30.000 cm |
| <b>Package 2 Width</b>              | 30.000 cm |
| <b>Package 2 Length</b>             | 40.000 cm |
| <b>Package 2 Weight</b>             | 4.733 kg  |
| <b>Unit Type of Package 3</b>       | P06       |
| <b>Number of Units in Package 3</b> | 16        |
| <b>Package 3 Height</b>             | 75.000 cm |
| <b>Package 3 Width</b>              | 60.000 cm |
| <b>Package 3 Length</b>             | 80.000 cm |
| <b>Package 3 Weight</b>             | 45.864 kg |

## Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO<sub>2</sub> thấp.

**Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm** là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch [RoHS/REACH](#)

## Hiệu suất sức khỏe

Mercury Free

Rohs Exemption Information [Yes](#)

Pvc Free

Halogen Free Plastic Parts Product

## Chứng nhận & Tiêu chuẩn

**Reach Regulation** [REACH Declaration](#)

**Eu Rohs Directive** [Compliant with Exemptions](#)

**China Rohs Regulation** [China RoHS declaration](#)

**Environmental Disclosure** [Product Environmental Profile](#)

**Circularity Profile** [End of Life Information](#)

Installation

**Installation Videos**

---

[TeSys Giga - How to directly mount LR9G overload relay](#)